

Số: **39** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **30** tháng 3 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng

Thực hiện Quyết định số 09/QĐ-TTr ngày 10/02/2023 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng ngày 07/3/2023; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 20/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301622257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/01/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 09/5/2022.
- Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chủ yếu: sản xuất sợi.
- Điện thoại giao dịch: 02343.962.976.
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: khu công nghiệp Phú Bài, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tài khoản giao dịch:
 - + Số 0161001898989 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế;
 - + Số 116002958989 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thừa Thiên Huế.
- Đã thành lập Công đoàn cơ sở.
- Tổng số người đang làm việc tại doanh nghiệp: 382 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.



- Đã báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Hình thức và phương thức tuyển dụng lao động: đăng tin trên trang web, mạng xã hội; treo băng rôn; liên hệ với Đoàn thanh niên và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo quy định tại Quy trình tuyển dụng nhân sự và chấm dứt hợp đồng lao động ban hành kèm theo Quyết định số 038/QĐ-VPH ngày 01/6/2020 của Tổng giám đốc.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Doanh nghiệp đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Doanh nghiệp không phát sinh trường hợp ký kết hợp đồng đào tạo nghề.

- Đã lập, cập nhật, quản lý, sử dụng sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: 10 người. Thời gian tập nghề không quá 03 tháng; người lao động trong thời gian tập nghề được hưởng mức lương từ 3.000.000 đồng/người/tháng đến 4.000.000 đồng/người/tháng.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 02 người (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc).

- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 370 người.

- Số người đã giao kết hợp đồng lao động 370 người (hợp đồng lao động không xác định thời hạn).

- Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: không phát sinh.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số lao động bị mất việc làm từ 01 tháng 01 năm 2021 đến nay; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: 0 người.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Số lao động thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm thanh tra là 137 người, trong đó có 24 người đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc đã được doanh nghiệp trả số tiền là 26.305.563 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Tuy nhiên, số lượng bên người lao động tham gia đối thoại chưa đảm bảo theo quy định.

- Doanh nghiệp sử dụng TULĐTT ngành Dệt May Việt Nam.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ngày 02/01/2021.

5. Tiền lương và trả công lao động

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.640.000 đồng/người/tháng (vùng III).

- Thu nhập thấp nhất: 6.400.000 đồng/người/tháng, cao nhất: 55.800.000 đồng/người/tháng, bình quân: 11.350.000 đồng/người/tháng.

- Phương pháp trả lương: trả qua tài khoản. Doanh nghiệp trả phí mở tài khoản và duy trì tài khoản.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian (đối với khối văn phòng) và theo sản phẩm (đối với khối sản xuất).

- Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ có hưởng lương, ngày lễ cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm vào ban đêm cho người lao động.

- Đã trả đủ tiền lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động do thôi việc, mất việc làm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động, việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Doanh nghiệp tổ chức ăn ca cho người lao động với mức: 21.000 đồng/suất ăn ngày; 23.000 đồng/suất ăn đêm.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hằng ngày, hằng tuần: 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân một tháng ít nhất 04 ngày.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.

- Đã thực hiện đúng các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

- Số ngày nghỉ hàng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện bình thường là 12 ngày, lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động: Tổng giám đốc.
- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế. Nội quy lao động có nội dung chưa quy định cụ thể hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:
 - + Khoản 1.2 Điều 1 quy định “Tất cả mọi trường hợp khi nghỉ việc đều phải xin phép trước và được sự đồng ý của trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty”.
 - + Điểm a khoản 1.3 Điều 1 quy định “Trong trường hợp do sản xuất kinh doanh không bố trí được nghỉ vào ngày hàng tuần, người sử dụng lao động phải đảm bảo cho người lao động được nghỉ tính bình quân một tháng ít nhất 01 ngày”.
 - + Chưa quy định cụ thể danh mục tài sản, bí mật công nghệ của người sử dụng lao động.
 - + Chưa quy định cụ thể hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động.
- Số vụ xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: 0 vụ.
- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.
- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Số lao động nữ: 3.349 người.
- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:
 - + Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.
 - + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
 - + Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
 - + Doanh nghiệp hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ dưới 72 tháng số tiền 50.000 đồng/tháng/01 cháu.
 - + Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 240 người; doanh nghiệp không sử dụng lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 43 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm, tuy nhiên không lấy ý kiến Ban chấp hành Công đoàn cơ sở theo quy định.

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động: không phát sinh.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và ban hành quy chế hoạt động, an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

- Số người làm công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động: 02 người (làm việc theo chế độ bán chuyên trách).

- Doanh nghiệp ký hợp đồng với Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại doanh nghiệp.

- Tổng số máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 06 máy, thiết bị đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động:

+ Năm 2021 đã tổ chức huấn luyện cho 408 người (nhóm 1: 10 người, nhóm 2: 02 người, nhóm 3: 88 người, nhóm 4: 298 người, nhóm 6: 10 người).

+ Năm 2022 đã tổ chức huấn luyện cho 385 người (nhóm 1: 15 người, nhóm 2: 02 người, nhóm 3: 43 người, nhóm 4: 315 người, nhóm 6: 10 người).

+ Thẻ an toàn lao động không có ảnh của người được cấp thẻ; Giấy chứng nhận huấn luyện không có ảnh của người được cấp Giấy chứng nhận; Số theo dõi cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, Thẻ an toàn, Sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện không có chữ ký của người được huấn luyện.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi, tuy nhiên còn tình trạng thiếu chữ ký của một số người lao động trong sổ.

- Đã bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa hộp, bánh) cho người lao động theo mức 13.000 đồng/người/suất.

- Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra tai nạn lao động.

- Đã quan trắc môi trường lao động hàng năm:

+ Năm 2021 đo 250 mẫu; số mẫu đạt chuẩn cho phép: 242 mẫu; số mẫu vượt tiêu chuẩn cho phép: 08 mẫu.

+ Năm 2022 đo 36 mẫu; không có mẫu vượt tiêu chuẩn cho phép.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: đã thực hiện (06 tháng một lần đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 01 năm một lần đối với người lao động làm công việc bình thường).

Lao động nữ không được khám chuyên khoa phụ sản.

- Doanh nghiệp đã tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.

- Đã lập hồ sơ theo dõi sức khỏe của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm TNLĐ-BNN

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 371 người.

- Số người đã tham gia: 371 người.

- Số người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế : 11 người (01 người là Chủ tịch Hội đồng quản trị, 10 lao động trong thời gian tập nghề).

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và khoản phụ cấp trách nhiệm.

- Số tiền đã nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội năm 2021 là 4.984.133.079 đồng, năm 2022 là 5.734.165.295 đồng, 02 tháng đầu năm 2023 là 1.031.216.724 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động đến hết tháng 02/2023.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.
- 1.2. Đã ban hành quy trình tuyển dụng, thực hiện tuyển dụng lao động đúng quy trình; đã lập, cập nhật sổ quản lý lao động theo quy định. Ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề đúng quy định.
- 1.3. Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.
- 1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo hằng năm.
- 1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động đúng quy định; đã trả đủ tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện được hưởng.
- 1.6. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.
- 1.7. Đã áp dụng TULĐTT ngành Dệt May Việt Nam. Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.
- 1.8. Đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp.
- 1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động; trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động theo quy định; không dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.
- 1.10. Đã tổ chức ăn ca cho người lao động, người lao động làm theo ca được bồi dưỡng thêm suất ăn ca.
- 1.11. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá 40 giờ/tháng, 300 giờ/năm.
- 1.12. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 1.13. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ; đã hỗ trợ một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động có con nhỏ dưới 72 tháng tuổi số tiền 50.000 đồng/tháng/01 cháu.
- 1.14. Doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.
- 1.15. Đã thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động:

- Phân loại 240 người lao động làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 43 người làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm.
- Thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên và ban hành quy chế hoạt động, an toàn, vệ sinh viên được trả phụ cấp trách nhiệm.
- Bố trí 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách.
- Hợp đồng với Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại doanh nghiệp.
- Sử dụng 06 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định kỹ thuật an toàn đạt yêu cầu và còn thời hạn kiểm định.
- Xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động theo quy định.
- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động và lập sổ theo dõi cấp phát.
- Bồi dưỡng bằng hiện vật (sữa hộp, bánh) cho người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Không để xảy ra tai nạn lao động.
- Thực hiện quan trắc môi trường lao động.
- Trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- Tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc trong môi trường lao động tiếp xúc với các yếu tố có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp.
- Lập hồ sơ theo dõi sức khỏe người lao động.

1.16. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% người thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động đến hết tháng 02/2023.

2. Những quy định của pháp luật lao động, an toàn, vệ sinh lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Số lượng bên người lao động tham gia đối thoại chưa đảm bảo theo quy định tại tiết a4 điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP 14/12/2020 của Chính phủ.

2.2. Nội quy lao động có nội dung chưa quy định cụ thể hoặc không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Khoản 1.2 Điều 1 quy định “Tất cả mọi trường hợp khi nghỉ việc đều phải xin phép trước và được sự đồng ý của trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty” là không đúng quy định tại Điều 115 Bộ luật Lao động.

- Điểm a khoản 1.3 Điều 1 quy định “Trong trường hợp do sản xuất kinh doanh không bố trí được nghỉ vào ngày hàng tuần, người sử dụng lao động phải đảm bảo cho người lao động được nghỉ tính bình quân một tháng ít nhất 01 ngày” là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 111 Bộ luật Lao động.

- Chưa quy định cụ thể danh mục tài sản, bí mật công nghệ trong sản xuất kinh doanh quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

- Chưa quy định cụ thể hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.3. Không lấy ý kiến Ban chấp hành Công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.4. Thẻ an toàn lao động không có ảnh của người được cấp thẻ theo mẫu 6; Giấy chứng nhận huấn luyện không có ảnh của người được cấp Giấy chứng nhận theo mẫu 8; Sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận huấn luyện, Thẻ an toàn, Sổ theo dõi người thuộc nhóm 4 được huấn luyện không có chữ ký của người được huấn luyện theo các mẫu số 09, 10 và 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

2.5. Khi tổ chức khám sức khỏe định kỳ, lao động nữ không được khám chuyên khoa phụ sản theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.6. Sổ trang cấp, theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân không có đầy đủ chữ ký xác nhận của người lao động hoặc người đại diện của tổ đội, phân xưởng nơi người lao động làm việc nhận phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 13/3/2023 xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp; hình thức xử phạt: phạt tiền; số tiền xử phạt: 15.000.000 đồng (bằng chữ: mười lăm triệu đồng).

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu Tổng giám đốc doanh nghiệp khắc phục vi phạm tại Kết luận này như sau:

Vi phạm số 2.1, 2.5 khắc phục khi có phát sinh.



Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ký Kết luận này, doanh nghiệp phải báo cáo (bằng văn bản) kết quả thực hiện kiến nghị và các tài liệu chứng minh việc thực hiện kiến nghị thanh tra của doanh nghiệp, gửi về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Lê Hữu Long